| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN LONG BIÊN**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**<br>**----------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>-------o0o------- |

Bản án số: **182**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2019
*V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà* ***Nguyễn Thị Phương Huyền***
*Các Hội thẩm nhân dân:* *Ông* ***Nguyễn Văn Khanh***
*Bà* ***Trần Thị Lan***
*- Thư ký ghi biên bản phiên toà: ông* ***Đặng Hoàng Phương*** *- Cán bộ Tòa án nhân dân quận Long Biên.*
*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:*
*Bà* ***Trần Thanh Hiếu*** *- Kiểm sát viên.*

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số **658**/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **04**/2019/QĐXX-ST ngày 15/02/2019 và quyết định hoãn phiên toà ngày 07/3/2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn***: Chị **Trần Thị D** - sinh năm 1985 *(Có mặt)*
HKTT: Tập thể xí nghiệp bê tông VT, phường VT, quận HBT, TP Hà Nội.
Tạm trú: Số 16/670/38/14 phố HHT, thị trấn YV, huyện GL, TP Hà Nội.

***Bị đơn***: Anh **Nguyễn Quang V** - sinh năm 1977 *(Vắng mặt)*
HKTT: Tập thể xí nghiệp bê tông VT, phường VT, quận HBT, TP Hà Nội.
Tạm trú: Tổ 11, phường GT, quận Long Biên, TP Hà Nội.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án chị Trần Thị D là Nguyên đơn trình bày**:

- Về tình cảm: Chị và anh **Nguyễn Quang V** xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 19/4/2006 tại UBND phường VT, quận HBT, TP Hà Nội.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống bình thường đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh V nghiện ma túy, không có trách nhiệm với vợ con, không quan tâm đến cuộc sống gia đình dẫn đến cuộc sống chung thường xuyên căng thẳng, không có hạnh phúc. Anh V đó nhiều lần chửi mắng xúc phạm, bạo hành đối với chị. Chị và hai bên gia đình đó nhiều lần đưa

anh V đi cai nghiện nhưng không thành công. Bên cạnh đó, anh V thường xuyên vi phạm pháp luật, phải đi chấp hành hình phạt tự. Mâu thuẫn vợ chồng đó được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Anh chị chính thức ly thân từ năm 2016, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị kiên quyết xin ly hôn anh V.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là **Nguyễn Hữu Phú Q** - sinh ngày 17/3/2007 (Nam) và **Nguyễn Hữu Phú T** - sinh ngày 17/4/2010 (Nam). Hiện nay cả 02 cháu đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do hiện nay anh V không có công văn việc làm, không có thu nhập. Hiện nay chị đang làm nhân viên Phòng Kế hoạch Công ty xe điện Hà Nội, thu nhập bình quân khoảng 7.000.000đ *(Bảy triệu đồng chẵn*)/ tháng, chị có đủ khả năng và điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị D phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* **Bị đơn - anh Nguyễn Quang V** được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án làm việc nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bầy. Bị đơn là anh Nguyễn Quang V mặc dù đó được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh theo quy định tại khoản 2 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Chị D và anh V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh chị đó phát sinh mâu thuẫn do anh V không có trách nhiệm với gia đình,vi phạm pháp luật và nghiện ma túy. Chị D đó khuyên can, động viên nhưng không có kết quả. Anh chị ly thân từ năm 2016. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị D có đơn xin ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung hiện đang ở cùng chị D, đề nghị tiếp tục giao cho chị D nuôi con là hợp lý, chị không yêu cầu anh V đóng góp phí tổn nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị không xét.

- Về án phí: Chị D phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

***1- Về thủ tục tố tụng:***

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị D xin ly hôn anh Nguyễn Quang V có hộ khẩu thường trú tại Tập thể xí nghiệp bê tông VT, phường VT, quận HBT, TP Hà Nội. Theo xác nhận của Công an phường GT thì anh V đang tạm trú tại: Tổ 11, phường GT, quận Long Biên, TP Hà Nội. Do vậy, việc chị D khởi kiện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Long Biên - TP Hà Nội.

- Bị đơn là anh Nguyễn Quang V trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Ngày 07/3/2019, Toà án mở phiên toà lần thứ nhất để xét xử vụ án nhưng anh V vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà để xét xử vào ngày 27/3/2019. Tại phiên toà ngày 27/3/2019, anh V tiếp tục vắng mặt, xét thấy đây là lần thứ hai anh V vắng mặt tại phiên toà không có lý do mặc dù đã được Toà án tống đạt hợp lệ, nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh V là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

***2- Về nội dung vụ án:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Quang V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 19/4/2006 tại UBND phường VT, quận HBT, TP Hà Nội. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh V không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con, với gia đình, thường xuyên có những mối quan hệ không lành mạnh và lao vào con đường nghiện ma túy, vi phạm pháp luật. Chị D nhiều lần khuyên can, tha thứ, chờ đợi nhưng anh V không thay đổi mà còn đe dọa, xúc phạm thậm chí bạo hành đối với chị. Vợ chồng sống ly thân và chị D bế con về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 6/2017. Quá trình giải quyết tại Tòa án, mặc dự anh V đó được Tòa án triệu tập nhiều lần đến để tham gia hòa giải nhưng anh kiên quyết không nhận giấy triệu tập, không hợp tác, không có quan điểm, bỏ mặc trước việc chị D ly hôn với anh. Điều này thể hiện rõ anh V không hề có thiện í hòa giải để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ.

Xét thấy cuộc sống chung giữa chị D và anh V không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh V là có căn cứ cần được chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là **Nguyễn Hữu Phú Q -** sinh ngày 17/3/2007 (Nam) và **Nguyễn Hữu Phú T -** sinh ngày 17/4/2010 (Nam). Xét nguyện vọng xin được nuôi cả hai con chung của chị D, Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị D có công việc, thu nhập ổn định, cháu Phú và cháu Quang hiện đang ở với chị và có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cả về vật chất và tinh thần cho trẻ nhỏ, xét thấy giao hai cháu cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là

phù hợp với quy định của pháp luật. Chị D không yêu cầu anh V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản và công nợ , các bên có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Từ những nhận định trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào Nghị quyết số **326**/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dông án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1**.** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Trần Thị D** đối với anh **Nguyễn Quang V**. Chị **Trần Thị D được ly hôn anh Nguyễn Quang V**.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung là **Nguyễn Hữu Phú Q -** sinh ngày 17/3/2007 (Nam) và **Nguyễn Hữu Phú T -** sinh ngày 17/4/2010 (Nam) cho đến khi các con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh V cho đến khi các con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

***Anh V có quyền gặp gì và chăm sóc các con chung, không ai được ngăn cản.***

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản và nợ chung các bên có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hôn nhân gia đình. Xác nhận chị D đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai số **0000933** ngày 04/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên. Nay chuyển thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm.

Chị Trần Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Quang V vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ./.

**T.M Hội đồng xét xử**

***<u>Nơi nhận</u>*:**
*- TAND TP Hà Nội;*
*- VKSND Q. Long Biên;*
*- Chi cục THADS Q. Long Biên;*
*- UBND P. VT;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu HS, VP.*

**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

***Nguyễn Thị Phương Huyền***